

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2022/HSST

Ngày: 22-02-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Long;

2. Bà H' Jel Mlô;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1969 tại tỉnh Phú Thọ; nơi ĐKKTT: Khu 7, xã T, huyện N, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị G, hiện đang sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 và có 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993), hiện chồng con đang sinh sống tại thôn P, xã G, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Ông Nguyễn T1, sinh năm 1969; trú tại: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- ***Người làm chứng:***

+ Ông Trần T, sinh năm 1968; trú tại: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Thôn H xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Ông Cao Văn T, sinh năm 1957; trú tại: Thôn A, xã L; huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; trú tại: Thôn T, xã L; huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Ông Đoàn D, sinh năm 1967; trú tại: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk

(vắng mặt);

+ Ông Mai T, sinh năm 1961; trú tại: Thôn T, xã L; huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; trú tại: Thôn A, xã L; huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/10/2021, sau khi ăn cơm xong Nguyễn Thị T nảy sinh ý định đi hái trộm cà phê tươi về bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên T một mình đi bộ đến khu vực xã L để tìm kiếm vườn cà phê có trái mà không có ai trông coi thì hái trộm cà phê. Khi đi đến thôn A, xã L, huyện N thấy vườn cà phê của ông Nguyễn T1 (sinh năm 1969, trú thôn T, xã L) có trồng xen kẽ cây cau mới trồng, nghĩ trên thị trường cau đang có giá cao nên T nảy sinh ý định nhổ cây cau đem về nhà trồng. Quan sát xung quanh không có người, T dùng tay nhổ cây cau, cứ nhổ được 3-4 cây thì để lại một chỗ, sau khi nhổ xong thì sẽ gom lại mang về nhà. Khi T đang nhổ trộm cau thì ông T1 đi đến phát hiện bắt quả tang, đồng thời báo Công an xã đến để lập biên bản sự việc. Thu giữ tại hiện trường 99 cây cau: cao trung bình 36cm, cây nhỏ nhất có đường kính gốc 0,8cm, cao 32cm (cả rễ), có 02 lá; cây to nhất có đường kính gốc 1,4cm, cao 71cm, có 4 lá; cây trung bình có đường kính gốc 1,2cm; cao 49cm, có 04 lá; trồng vào khoảng tháng 4/2021.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Krông Năng, kết luận: 99 cây cau tại thời điểm định giá có giá trị là 2.970.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu: Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng chi phí trồng, tưới và mua phân bón để chăm sóc cây cau.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các chứng cứ buộc tội, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, như bản cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại 100 cây cau. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho ông Nguyễn T1 số tiền 3.000.000 đồng chi phí thuê công, tưới nước, phân bón cho 100 cây mới trồng lại.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn T1 99 cây cau là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại không trình bày, tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Khoảng 12 giờ, ngày 14/10/2021, tại rẫy của ông Nguyễn T1, tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi trộm cắp 99 cây cau được trồng tháng 4/2021. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp theo bản kết luận định giá về tài sản là 2.970.000 đồng.

Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Điều luật nêu trên quy định:

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng và bị xử lý nghiêm minh. Song, do ý thức coi thường pháp luật bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt phù hợp, nhằm trừng trị người phạm tội, đồng thời đề bị cáo có thời gian cải tạo, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, có ý thức

chấp hành pháp luật. Mặt khác, phát huy tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Krông Năng nói riêng, trên toàn xã hội nói chung.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, mà Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3.3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4]. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, trừng trị người phạm tội nhưng thể hiện được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị T xuất thân từ thành phần lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho ông Nguyễn T1 số tiền 3.000.000 đồng chi phí thuê công trồng và chăm sóc 100 cây cau.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 99 cây cau cho ông Nguyễn T1 là chủ sở hữu hợp pháp.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T: **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T tiếp tục bồi thường cho bị hại ông Nguyễn T1 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí thuê công trồng và chăm sóc 100 cây cau.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 99 cây cau cho ông Nguyễn T1 là chủ sở hữu hợp pháp.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải